

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 09 tháng 4 năm 2021

V/v: *Chia tài sản sau ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Giáp.

Ông Trần Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về “Chia tài sản sau ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2020/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1983. Có mặt

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: Anh Ngô Bá Đ, sinh năm 1981. Vắng mặt

HKTT: thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện trú tại: số N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1995. Có mặt

Địa chỉ: đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (đều vắng mặt)

1. Chị Ngô Thị M, sinh năm 1977
2. Anh Ngô Bá H1, sinh năm 1975
3. Anh Dương Thọ Q, sinh năm 1972
4. Bà Dương Thị Y, sinh năm 1960
5. Chị Ngô Thị H1, sinh năm 1971
6. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1991
7. Chị Ngô Thị H3, sinh năm 1982

8. Anh Dương H P, sinh năm 1971
9. Anh Đào Khắc L2, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

(Anh H1, anh Q, bà Y, chị H1, chị H2, chị H3, anh P, anh L2 đều ủy quyền cho chị M).

10. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Nghiêm Đình H - Phó Giám đốc Ngân hàng NN và PTNT, chi nhánh huyện Y.

Địa chỉ: Đường 295, thị trấn Chờ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

11. UBND huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: thị trấn Chờ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí C – Chủ tịch UBND huyện Y.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung D – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y.

12. UBND xã D.

Địa chỉ: xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T - Chủ tịch UBND xã D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Ngô Bá Đ tháng 9/2008, có được tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã D. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh Đ đã làm đơn xin ly hôn chị.

- Tại quyết định số 79/2016/QĐST-HNGĐ, ngày 08/9/2016 của Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Y, tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị.

Con chung: Anh Đ nuôi cháu Ngô Bá Bảo Châu, chị nuôi cháu Ngô Thị Như Quỳnh.

Tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn chị H yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, anh Đ có yêu cầu xin thay đổi nuôi con.

- Tại Bản án số 29/2017/HNGĐ-ST ngày 15/9/2017 của TAND huyện Y đã quyết định:

1. Con chung: Giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Ngô Thị Như Quỳnh, sinh ngày 26/3/2009. Giao cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ngô Bảo Châu, sinh ngày 28/10/2012.

2. Tài sản chung: Tạm giao cho anh Đ được sử dụng thửa đất số 135, tờ bản đồ 12 và thửa số 136, tờ bản đồ 12, diện tích 134,1m² phía bắc giáp nhà anh Vinh, phía nam giáp nhà bà Cường, phía đông giáp ruộng lúa, phía tây giáp đường liên thôn tại xứ đồng kho A, thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh và được sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 lợp tôn, diện tích 107m² trên đất; được sở hữu 01 chiếc xe ô tô BKS: 99A-058.68, tổng giá trị tài sản là 344.473.000đ. Anh Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp là 84.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký ngày 25/5/2015, trả nợ chị Ngô Thị M 130.000.000đ, anh Dương H P 24.000.000đ, anh Đào Khắc L2 24.000.000đ. Anh Đ có nghĩa vụ trích trả chênh lệch tài sản cho chị là 25.600.000đ.

Anh Đ phải trả: anh Ngô Bá H1 160.000.000đ, chị Ngô Thị H3 80.000.000đ, anh Dương Thọ Q, bà Dương Thị Y, chị Ngô Thị H1 và chị Ngô Thị H2 mỗi người 5 chỉ vàng 9999 tương đương 18.000.000đ.

Sau khi xét xử, chị H kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y kháng nghị bản án sơ thẩm.

- Tại Bản án số 13/2018/HNGĐ-PT ngày 31/1/2018 của TAND tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

1. Con chung: Giao cho anh Ngô Bá Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ngô Thị Như Quỳnh, chị H nuôi dưỡng chăm sóc cháu Ngô Bảo Châu.

2. Tài sản chung: Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 29/2017/HNGĐ-ST ngày 15/9/2017 của TAND huyện Y về phần chia tài sản chung của vợ chồng. Giao hồ sơ vụ án cho TAND huyện Y giải quyết lại phần bản án bị hủy theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 28/3/2018, TAND huyện Y thụ lý giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Nay chị Lê Thị H yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng gồm:

- 01 ngôi nhà cấp 4 lợp tôn xây năm 2014 trên diện tích đất 121m² tại thửa đất số 119b, lô 3 thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (*viết tắt là thửa đất số 119b*). Theo kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ thì hiện trạng thửa đất trên có diện tích sử dụng là 134,1m². Nguồn gốc đất là do vợ chồng mua của chị Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1988 ở Ấp Đồn, xã Y Trung, huyện Y với giá 280.000.000đ. Đây là đất ruộng của vợ chồng ông Ngô Đ H1, bà Ngô Thị Tiến được HTX thôn L có chủ trương chuyển đổi từ ô thửa nhỏ sang ô thửa lớn. Sau đó ông H1, bà Tiến bán cho chị Mai.

- 01 thửa đất số 285, tờ bản đồ 29, diện tích 196m² tại thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh và tài sản trên đất (*viết tắt là thửa đất số 285*) chủ sử dụng là ông Ngô Bá Đ.

- 01 xe ô tô hiệu Matis, BKS: 99A-058.68.

Về công nợ: Chị xác định chị và anh Đ không nợ ai, không cho ai vay.

Bị đơn anh Ngô Bá Đ trình bày: Khi vợ chồng kết hôn, chị H làm hợp đồng tại Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Y lương khoảng 2.000.000đ đến 3.000.000đ/tháng. Anh làm Công ty lắp máy 691, sau đó nghỉ việc về nhà mua

xe chạy xe taxi. Lương của chị H không đủ ăn lại còn phải nuôi con, phẫu thuật cho con, anh phải đưa thêm tiền cho chị H.

Vì vợ chồng không có chỗ ở nên tháng 01/2014 anh có mua 01 mảnh đất diện tích 121m² ở thôn L, xã D, huyện Y của chị Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1988 ở Ấp Đồn, xã Y Trung, huyện Y với giá 280.000.000đ. Đây là đất ruộng của vợ chồng ông Ngô Đ H1, bà Ngô Thị Tiến bán cho chị Mai, cũng trong năm 2014 vợ chồng làm 01 ngôi nhà cấp 4 lợp tôn và công trình phụ trên đất.

Tháng 4/2015 anh mua 01 chiếc xe ô tô hiệu Matis, BKS: 99A-058.68 để chạy taxi với giá 110.000.000đ, anh phải sửa hết 30.000.000đ, tổng hết 140.000.000đ, anh đã phải đi vay toàn bộ số tiền này, cụ thể vay của mẹ chị H 130.000.000đ, vay bác chị H 10.000.000đ. Toàn bộ tiền mua đất, xây nhà, mua xe đều do anh tự đi vay và tự trả, chị H không đi vay, không trả cũng như không đóng góp một đồng nào. Nay chị H yêu cầu chia tài sản chung thì anh không đồng ý vì chị H không đóng góp gì, toàn bộ tài sản là do anh vay mượn mà có.

Về công nợ: Hiện anh còn nợ: Anh Ngô Bá H1 160.000.000đ, bà Dương Thị Y 05 chỉ vàng 9999, anh Dương Thọ Q 5 chỉ vàng 9999, chị Ngô Thị H1 5 chỉ vàng 9999, chị Nguyễn Thị H2 5 chỉ vàng 9999, chị Ngô Thị H3 80.000.000đ, tất cả đều vay từ năm 2014 để mua đất, làm nhà.

Tiền công thợ của anh Dương H P 24.000.000đ; tiền cửa sắt, hàng rào, mái tôn của anh Đào Khắc L2 24.000.000đ; Ngân hàng nông nghiệp huyện Y 150.000.000đ từ năm 2015, anh đã trả gốc và lãi đúng kỳ hạn của Ngân hàng, tính đến ngày 08/9/2016 còn nợ 102.000.000đ. Đến ngày 23/11/2017, anh đã thanh toán hết số nợ vay của Ngân hàng nông nghiệp huyện Y, tiền gốc là 84.000.000đ và tiền lãi là 1.936.667đ tổng cả tiền gốc và lãi là 85.936.667đ, đây là số tiền riêng của anh. Anh đề nghị chị H phải có trách nhiệm trả anh ½ số tiền 102.000.000đ.

Khi vợ chồng ly hôn, chị H yêu cầu anh phải trả mẹ đẻ chị 130.000.000đ thì chị mới đồng ý ly hôn. Anh phải đi vay của chị Ngô Thị M 130.000.000đ để trả cho mẹ chị H. Hiện nay anh vẫn đang nợ chị M số tiền 130.000.000đ. Nay chị H yêu cầu chia tài sản chung thì anh đề nghị chị H phải có trách nhiệm trả 1/2 số nợ trên.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT trình bày: Ngày 25/5/2015 Ngân hàng NN và PTNT huyện Y có ký một hợp đồng tín dụng với anh Ngô Bá Đ, chị Lê Thị H, nội dung Ngân hàng cho vợ chồng anh Đ, chị H vay số tiền 150.000.000đ, mục đích để mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 10,0%/năm. Hạn trả nợ: 6 tháng phải trả gốc 1 lần, lãi trả 3 tháng/lần.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, cùng ngày 25/5/2015 Ngân hàng có ký Hợp đồng thế chấp với anh Đ, chị H quyền sử dụng thửa đất số 285 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Phong. Đất đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là giấy CNQSDĐ*) cho anh Đ ngày 17/11/2014. Từ

khi vay đến nay anh Đ vẫn trả gốc và lãi đúng kỳ hạn của Ngân hàng. Tính đến ngày 08/9/2016, anh Đ và chị H còn nợ Ngân hàng 102.000.000 đồng. Tính đến ngày 15/9/2017 (ngày xét xử của Bản án số 29/2017/HNGĐ-ST) anh Đ và chị H còn nợ 84.000.000đ. Đến ngày 23/11/2017, anh Đ đã thanh toán hết số nợ vay của Ngân hàng nông nghiệp huyện Y tổng cả tiền gốc và lãi là 85.936.667đ. Ngân hàng đã thu hồi đầy đủ số tiền anh chị còn nợ và không có yêu cầu gì.

2. Anh Ngô Bá H1 trình bày: Anh là anh trai anh Đ. Năm 2014 anh cho anh Đ, chị H vay 160.000.000đ để anh Đ mua đất, làm nhà. Anh đưa tiền cho anh Đ, còn chị H đi vắng. Vì là anh em nên không viết giấy tờ, nay anh đề nghị cả hai anh chị trả anh số nợ trên.

3. Bà Dương Thị Y trình bày: Bà là dì ruột anh Đ. Năm 2014 bà cho anh Đ, chị H vay 5 chỉ vàng 9999 để mua đất, làm nhà. Bà đưa vàng cho anh Đ, chị H có biết việc này vì lúc đó vợ chồng vẫn đang sống chung. Vì là dì cháu nên không viết giấy tờ, nay bà yêu cầu cả hai anh chị trả bà số nợ trên.

4. Anh Dương Thọ Q trình bày: Anh là cậu ruột anh Đ. Năm 2014 anh có cho anh Đ vay 5 chỉ vàng 9999 để mua ô tô, anh đưa vàng cho anh Đ. Vì là họ hàng nên không viết giấy tờ, nay anh yêu cầu cả hai anh chị trả anh số nợ trên.

5. Chị Ngô Thị H1 trình bày: Chị là chị gái anh Đ. Năm 2014 chị có cho anh Đ vay 5 chỉ vàng 9999 để mua đất, làm nhà. Chị đưa vàng cho anh Đ, vì là chị em ruột nên không viết giấy tờ. Chị đã đòi nhiều lần nhưng anh Đ, chị H vẫn chưa trả, nay chị yêu cầu cả hai anh chị trả số nợ trên.

6. Chị Nguyễn Thị H2 trình bày: Chị là cháu gọi anh Đ là cậu. Năm 2014 chị có cho anh Đ vay 5 chỉ vàng 9999. Anh Đ lên nhà mẹ chị lấy vàng vì chị gửi mẹ chị giữ hộ. Vì là người nhà không viết giấy tờ, nay chị yêu cầu cả hai anh chị trả số nợ trên.

7. Chị Ngô Thị H3 trình bày: Chị là chị em gái anh Đ. Năm 2013 chị có cho anh Đ, chị H vay 80.000.000đ để mua đất, làm nhà. Chị đưa tiền cho anh Đ, còn chị H lúc này đang ở nhà mẹ đẻ. Vì là anh em ruột nên không viết giấy tờ. Chị đã đòi nhiều lần nhưng anh Đ, chị H vẫn chưa trả, nay chị yêu cầu cả hai anh chị trả số nợ trên.

8. Anh Dương H P trình bày: Khoảng năm 2013-2014 anh có cho anh Đ, chị H vay 24.000.000đ. Năm 2014 anh làm nhà cho anh Đ hết 20.000.000đ tiền công, tổng cộng là 44.000.000đ. Khi cho vay chỉ đưa tay, không viết giấy tờ. Chị H có biết việc này vì anh chị vừa vay tiền anh để làm nhà, anh lại xây nhà cho anh chị. Sau đó anh Đ đã trả cho anh được 20.000.000đ. Nay anh yêu cầu cả hai anh chị trả anh số tiền còn nợ là 24.000.000đ.

9. Anh Đào Khắc L2 trình bày: Năm 2014 anh Đ, chị H làm nhà. Anh có làm cửa, mái tôn, hàng rào, chân təc nước... tổng cộng hết 30.000.000đ. Anh Đ đã trả cho anh được 6.000.000đ, còn nợ 24.000.000đ, nay anh yêu cầu cả hai anh chị trả anh số nợ trên.

10. Chị Ngô Thị M trình bày: Chị là chị gái anh Đ. Ngày 30/ 8/2016 chị có cho anh Đ vay số tiền 130.000.000đ để anh Đ trả nợ cho mẹ đẻ chị H, vì lúc đó

anh Đ, chị H đang giải quyết ly hôn. Vì là chị em ruột nên chị đưa tay, không viết giấy tờ. Anh Đ vẫn chưa trả cho chị, nay chị yêu cầu cả hai anh chị trả cho chị số nợ trên.

11. Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Y trình bày: thửa đất số 119b là đất nông nghiệp, được ghép bởi một phần thửa đất số 135, tờ bản đồ 12 diện tích 349m² và một phần thửa đất số 136, tờ bản đồ 12, diện tích 1442m² xứ đồng kho A thôn L, chưa được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng.

Thửa đất số 285 nguồn gốc anh Ngô Bá Đ nhận thừa kế từ hộ ông Ngô Bá Thanh năm 2014. Ngày 17/11/2014, đã được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ mang tên anh Ngô Bá Đ.

12. Đại diện UBND xã D trình bày: thửa đất số 119b là đất nông nghiệp giao cho ông Ngô Đ H1 và bà Ngô Thị Tiến. Sau đó ông H1 bà Tiến chuyển nhượng cho ai địa P không nắm được, việc chuyển nhượng không qua UBND xã. Hiện anh Đ đang Q lý sử dụng thửa đất.

Tại phiên tòa, anh Lê Bá Đ không đồng ý chia tài sản, đối với thửa đất số 285 nguồn gốc anh Đ nhận thừa kế từ hộ ông Ngô Bá Thanh năm 2014. Ngày 17/11/2014, đã được UBND huyện Y cấp giấy CNQSDĐ mang tên anh đây là tài sản riêng của anh. Còn thửa đất số 119b anh mua bằng tiền anh đi vay, xe ô tô anh đã bán 50.000.000đ hiện anh Q lý số tiền trên. Đối với khoản tiền 102.000.000đ còn nợ Ngân hàng Nông Nghiệp và 130.000.000đ vay của bà Chín anh đã trả, nay yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ trả cho anh ½ số tiền trên. Đối với khoản vay của chị M yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ trả ½.

Chị Ngô Thị M rút các yêu cầu trả nợ của anh Ngô Bá Đ 160.000.000đ, bà Dương Thị Y 5 chỉ vàng, anh Dương Thọ Q 5 chỉ vàng, chị Ngô Thị H1 5 chỉ vàng, chị Nguyễn Thị H2 5 chỉ vàng, chị Ngô Thị H3 80.000.000đ, anh Dương H P 24.000.000đ, anh Đào Khắc L2 24.000.000đ. Chị chỉ yêu cầu anh Đ và chị H phải trả cho chị khoản vay 130.000.000đ.

Bà Chín trình bày: Bà có cho anh Đ và chị H vay 130.000.000đ. Anh Đ là người trả bà số tiền trên vào ngày 01/9/2016 tại Tòa án trong khi anh Đ và chị H đang ly thân và giải quyết ly hôn tại Tòa án.

Với nội dung trên, TAND huyện Y đã căn cứ Điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 235, 244, 264, 266, 147, 156, 164, 165, 166 của Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số: 10/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

Xác nhận tài sản chung của anh Ngô Bá Đ và chị Lê Thị H gồm có: 01 thửa đất số 119b lô 3, diện tích đất 134,1m² tại thôn L, D, Y (là một phần thửa đất số 135, tờ bản đồ 12, diện tích 349m² và một phần thửa đất số 136, tờ bản đồ 12, diện tích 1442m² tại xứ đồng kho A, thôn L) và tài sản trên đất trị giá 254.711.000đ; Trị giá 01 xe ô tô đã bán là 50.000.000đ. Tổng giá trị tài sản là 304.711.000đ.

Tạm giao cho anh Đ được sử dụng đất số 119b lô 3, diện tích đất 134,1m² tại thôn L, D, Y (là một phần thửa đất số 135, tờ bản đồ 12 diện tích 349m² và một phần thửa đất số 136, tờ bản đồ 12, diện tích 1442m²) tại xứ đồng kho A, thôn L, xã D, huyện Y. Có tứ cận như sau: phía Bắc giáp nhà anh Vinh, phía Nam giáp nhà bà Cường, phía Đông giáp ruộng lúa, phía Tây giáp đường liên thôn tại xứ đồng kho A, thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh và được sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 lợp tôn, diện tích 107m² trên đất, nhưng phải có nghĩa vụ trích trả cho chị H số tiền là 36.355.000đ (Ba mươi sáu triệu ba trăm năm năm ngàn đồng).

2. Về công nợ: Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của: anh Ngô Bá H1, bà Dương Thị Y, anh Dương Thọ Q, chị Ngô Thị H1, chị Nguyễn Thị H2, chị Ngô Thị H3, anh Dương H P và anh Đào Khắc L2.

Anh Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Ngô Thị M 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí, lệ phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/10/2020, chị Lê Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm: Chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Giao cho chị được sở hữu nhà và đất tại thửa đất 121m² ở thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh và chị trả ½ giá trị tài sản là 254.000.000đ cho anh Ngô Bá Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn là chị Lê Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ lúc thụ lý đến lúc xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của chị Lê Thị H và anh Ngô Bá Đ, sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo chị Lê Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, do vậy kháng cáo của đương sự là hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Lê Thị H và đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Bá Đ thống nhất thỏa thuận như sau:

– Tài sản riêng: Thừa đất số 285, tờ bản đồ 29, diện tích 196m² và tài sản trên đất tại thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh là tài sản riêng của anh Ngô Bá Đ.

– Tài sản chung: Tạm giao cho anh Ngô Bá Đ sử dụng thừa đất số 119b và sở hữu ngôi nhà cấp 4 trên đất, được sử dụng 50.000.000đ tiền bán xe ô tô BKS 99A-058.68, tổng trị giá tài sản là 304.711.000đ nhưng anh Đ phải trích chia chênh lệch tài sản cho chị H là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*). Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Bá Đ là bà Hoàng Thị Luận đã giao .cho chị Lê Thị H 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*).

– Về nợ: Anh Ngô Bá Đ phải trả ngân hàng Ngân hàng nông nghiệp huyện Y tiền gốc 102.000.000đ và tiền lãi 1.936.667đ (xác nhận anh Đ đã trả xong) và trả chị Ngô Thị M 130.000.000đ (*một trăm ba mươi triệu đồng*).

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và sửa án sơ thẩm.

Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí: Do sửa án sơ thẩm nên chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300, Điều 313 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Xử:

Sửa Bản án sơ thẩm số 30/2020/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Công nhận sự thỏa thuận của chị Lê Thị H và anh Ngô Bá Đ như sau:

1. Tài sản riêng: Xác nhận thừa đất số 285, tờ bản đồ 29, diện tích 196m² tại thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh chủ sử dụng là ông Ngô Bá Đ và tài sản trên đất là tài sản riêng của anh Ngô Bá Đ.

2. Tài sản chung: Xác nhận tài sản chung của anh Ngô Bá Đ và chị Lê Thị H gồm: thừa đất số 119b lô 3, diện tích đất 134,1m² tại thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (là một phần thừa đất số 135, tờ bản đồ 12, diện tích 349m² và một phần thừa đất số 136, tờ bản đồ 12, diện tích 1442m² tại xứ đồng kho A, thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh) và tài sản trên đất trị giá 254.711.000đ; trị giá 01 xe ô tô đã bán là 50.000.000đ. Tổng giá trị tài sản là 304.711.000đ.

Tạm giao cho anh Đ được sử dụng thừa đất số 119b lô 3, diện tích đất 134,1m² tại thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (là một phần thừa đất số 135, tờ bản đồ 12 diện tích 349m² và một phần thừa đất số 136, tờ bản đồ 12, diện tích 1442m² tại xứ đồng kho A, thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh); đất có tứ cận như sau: phía Bắc giáp nhà anh Vinh, phía Nam giáp nhà bà Cường, phía Đông giáp ruộng lúa, phía Tây giáp đường liên thôn; anh Ngô Bá Đ được sở hữu tài sản có trên đất là ngôi nhà cấp 4 lợp tôn, diện tích 107m² và 50.000.000đ tiền

bán xe ô tô. Anh Ngô Bá Đ phải trích trả tài sản cho chị Lê Thị H là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Xác nhận hai bên đã tự thi hành xong.

2. Công nợ: Anh Ngô Bá Đ phải trả chị Ngô Thị M 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của: Anh Ngô Bá H1, bà Dương Thị Y, anh Dương Thọ Q, chị Ngô Thị H1, chị Nguyễn Thị H2, chị Ngô Thị H3, anh Dương H P và anh Đào Khắc L2.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, các bên không thỏa thuận được lãi suất thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Chi phí tố tụng:

Lần 1: Anh Ngô Bá Đ, chị Lê Thị H phải chịu 5.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản (mỗi người phải chịu 2.500.000đ). Xác nhận chị H đã nộp 5.000.000đ, anh Đ phải trả cho chị H 2.500.000đ.

Lần 2: Anh Ngô Bá Đ, chị Lê Thị H phải chịu 7.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản (mỗi người phải chịu 3.500.000đ). Xác nhận chị H đã nộp 7.000.000đ, anh Đ phải trả cho chị H 3.500.000đ.

4. Án phí: Anh Ngô Bá Đ phải chịu 11.375.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh Đ đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số 0003501, ngày 31/7/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Y. Anh Ngô Bá Đ còn phải nộp 11.075.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị H phải chịu 10.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp: 5.625.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2012/03482 ngày 10/11/2016, 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2012/03362 ngày 16/5/2017, 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2017/0003544 ngày 27/9/2017 và 2.500.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2017/0003782 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Y. Chị Lê Thị H còn phải nộp 1.275.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Ngô Bá H1 4.000.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2012/03373 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Y.

Hoàn trả bà Dương Thị Y 412.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2012/03372 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Y.

Hoàn trả chị Ngô Thị H1 412.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2012/03376 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Y.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị H2 412.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số 03377 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Y.

Hoàn trả cho anh Dương Thọ Q 412.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2012/03374 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Y.

Hoàn trả chị Ngô Thị H3 2.000.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2012/03375 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Y.

Hoàn trả anh Dương H P 600.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2012/03369 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Y.

Hoàn trả cho anh Đào Khắc L2 600.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2012/03368 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Y.

Hoàn trả chị Ngô Thị M 3.250.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2012/03378 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Y.

Hoàn trả Ngân hàng nông nghiệp và PTNT chi nhánh huyện Y 2.550.000đg tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2012/03370 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Y.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TA Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai